TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 69/2019/HNGĐ.ST
Ngày: 08 - 10 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

2. Ông Lê Hoàn Thanh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Hồ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Tân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 208/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019, về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị T**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ 03, ấp M T A, xã M T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 09, ấp T P, xã T L, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Trương Văn N**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ 03, ấp M T A, xã M T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 08/8/2019, nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày: Chị và anh Trương Văn N qua tìm hiểu, đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/6/2004 tại UBND xã M Th. Vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì

phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh N không lao động, không quan tâm chăm sóc gia đình, không thông cảm cho vợ con. Vào năm 2010, chị khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N ở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh nhưng vì thương con và muốn anh N sửa đổi nên đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, thời gian sau đó anh N vẫn không thay đổi tính tình, tiếp tục không lao động, ăn chơi cờ bạc và không qua tâm đến gia đình, vì vậy vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Chị và anh N có 01 con chung tên là Trương Thế P, sinh ngày 16/4/2005, hiện đang sống với mẹ.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T yêu cầu được ly hôn với anh N, được tiếp tục chăm sóc con chung và chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra không có yêu cầu khác.

- *Tại bản hòa giải ngày 17/6/2019, bị đơn anh Trương Văn N trình bày*: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, quan hệ tài sản là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì anh xác định không có mâu thuẫn gì trầm trọng, anh vẫn quan tâm chăm sóc, lo làm ăn và có trách nhiệm với gia đình. Vào nam 2010, anh có đánh chị T một bạt tay nên chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột đến nay, từ đó phát sinh mâu thuẫn với gia đình bên vợ, tìm cảm vợ chồng vẫn còn. Tuy vợ chồng sống riêng nhưng vợ chồng vẫn sinh hoạt bình thường, anh còn thương vợ con nên không đồng ý lý hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con chung.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã nhiều năm, mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, đời sống chung đã không có hạnh phúc nên không thể kéo dài, anh N thường cờ bạc, uống rượu, thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng đã hàn gắn và tạo cơ hội nhiều lần nhưng tình cảm không thể cải thiện.

Anh N không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ vì vợ chồng tuy ở riêng nhưng vẫn tới lui sinh hoạt bình thường, mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn chỉ vì tác động của gia đình chị T nên dẫn đến ly hôn, anh đã sửa đổi bản thân không tham gia vào tệ nạn và uống rượu nhưng chị T không thông cảm. Trường hợp phải ly hôn thì anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con chung, anh không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung chị T, anh N không tranh chấp và không yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét chị Ngô Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn N, anh N có nơi cư trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét giữa chị T và anh N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá trình chung sống, anh chị có nhiền bất đồng nên thường xuyên mâu thuẫn, mâu thuẫn xảy ra đã lâu, vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, việc tiếp tục sống chung không có hạnh phúc, thời gian ly thân đã lâu, mỗi người đã có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Tại phiên tòa, anh N yêu cầu được đoàn tụ nhưng T không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét yêu cầu này của anh N. Đồng thời, chấp nhận để chị T được ly hôn với anh N là có căn cứ.

[2.2] Xét về con chung tên là Trương Thế P (sinh ngày 16/4/2005), từ lúc ly thân đến nay vẫn do chị T trực tiếp chăm sóc, cháu P có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ, cuộc sống đã ổn định, chị T là giáo viên có thu nhập ổn định, anh N cũng đồng ý để chị T chăm sóc con chung nên Hội đồng xét xử công nhận để chị T được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Ngô Thị T phải nộp án phí phần hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 58 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T.

1.1. Chị T được ly hôn với anh Trương Văn N

1.2. Về con chung: Công nhận việc chị T được tiếp tục chăm sóc con chung tên là Trương Thế P (sinh ngày 16/4/2005). Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Ngô Thị T phải nộp án phí phần hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số: 0011114 ngày 16/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (nên đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND xã M T (h.Bình Tân);
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Mười Hai